



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 24.5.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - LE 5.17

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H52516850200000001	DINH THI TUYET	女	1996-11-23	035196001766	LE 5.17	
2	H52516850200000002	NGUYEN IIOANG KIEN	男	2008-03-29	001208019127	LE 5.17	
3	H52516850200000003	NGUYEN THI PHUONG THAO	女	2003-09-04	019303000722	LE 5.17	
4	H52516850200000004	NGUYEN THI HIEN	女	2003-08-29	024303010417	LE 5.17	
5	H52516850200000005	NGUYEN THANH TAM	女	2003-11-20	017303000827	LE 5.17	
6	H52516850200000006	DO THI HOA	女	1996-06-15	024196005060	LE 5.17	
7	H52516850200000007	LE THI LAN	女	1994-10-17	026194000740	LE 5.17	
8	H52516850200000008	PHUNG VINH K Y	男	2000-03-27	020200005698	LE 5.17	
9	H52516850200000009	LOC THANH HUE	女	2003-11-25	020303000915	LE 5.17	
10	H52516850200000010	NGUYEN LE HUYEN TRANG	女	2000-09-19	001300014812	LE 5.17	
11	H52516850200000011	NGUYEN HUYEN MY	女	2006-02-25	038306010405	LE 5.17	
12	H52516850200000012	DO THI HONG LOAN	女	1998-04-30	033198007091	LE 5.17	
13	H52516850200000013	DO VAN TU	男	1987-03-01	031087005079	LE 5.17	
14	H52516850200000014	BUI THI KIM NGAN	女	2005-11-05	015305007414	LE 5.17	
15	H52516850200000015	PHAN THI THANH THAO	女	2003-05-17	024303006041	LE 5.17	
16	H52516850200000016	TRAN THI QUYNH TRANG	女	2003-11-12	036303004896	LE 5.17	
17	H52516850200000017	HOANG THI VAN ANH	女	2002-06-25	004302006485	LE 5.17	
18	H52516850200000018	HOANG DIEU ANH	女	2008-10-25	001308001794	LE 5.17	
19	H52516850200000019	VI NGOC XOAN	女	2003-01-07	020303000520	LE 5.17	
20	H52516850200000020	LY THI LE NA	女	2002-08-15	020302007051	LE 5.17	
21	H52516850200000021	LE THI VAN ANH	女	2003-10-22	024303002464	LE 5.17	
22	H52516850200000022	NGUYEN THI HONG NGOC	女	2003-10-18	024303011462	LE 5.17	
23	H52516850200000023	NONG DUC THANG	男	2004-12-05	020204003600	LE 5.17	
24	H52516850200000024	CHU THI HOA	女	2002-03-30	024302013365	LE 5.17	
25	H52516850200000025	DO THU GIANG	女	2007-09-27	001307015051	LE 5.17	
26	H52516850200000026	NGO THI TRA MY	女	2002-03-28	019302004195	LE 5.17	
27	H52516850200000027	NGUYEN THI DUONG	女	2003-10-21	037303002625	LE 5.17	
28	H52516850200000028	TRIEU NGOC DIEP	女	2003-02-01	008303004294	LE 5.17	
29	H52516850200000029	TA NGOC ANH	女	2006-02-09	E00758613	LE 5.17	
30	H52516850200000030	TRAN THI NUONG	女	1996-05-03	035196008439	LE 5.17	
31	H52516850200000031	TRAN PHUONG LINH	女	2007-12-13	025307014016	LE 5.17	
32	H52516850200000032	DANG NGOC NHI	女	2007-03-08	012307000061	LE 5.17	
33	H52516850200000033	NGUYEN THI KIEU ANH	女	2003-04-02	034303002309	LE 5.17	
34	H52516850200000034	NGUYEN THI HAI YEN	女	2003-03-25	026303000301	LE 5.17	
35	H52516850200000035	NGUYEN THI THU HIEN	女	2003-02-13	024303012721	LE 5.17	
36	H52516850200000036	NGUYEN THUY DUONG	女	1993-11-25	001193013207	LE 5.17	
37	H52516850200000037	LE THI DIEP	女	2001-05-20	001301022259	LE 5.17	
38	H52516850200000038	LUONG THI PHUONG LE	女	1985-05-07	040185013162	LE 5.17	
39	H52516850200000039	NGUYEN THI NHU	女	2002-09-12	024302006689	LE 5.17	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 24.5.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - LE 5.18

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H52516850200000040	NGUYEN THI NGA	女	2002-10-02	024302008331	LE 5.18	
2	I152516850200000041	NGUYEN HUU HUY	男	1997-12-03	034097005102	LE 5.18	
3	H52516850200000042	NGUYEN HONG HA	女	2006-12-13	001306055809	LE 5.18	
4	I152516850200000043	LE THI HUONG XOAN	女	2003-06-01	027303000799	LE 5.18	
5	H52516850200000044	HA THI LOAN	女	2003-08-17	001303033663	LE 5.18	
6	H52516850200000045	NGUYEN THI THU THUUY	女	2007-06-09	035307001404	LE 5.18	
7	H52516850200000046	DAO MINH QUANG	男	1997-06-21	026097011688	LE 5.18	
8	H52516850200000047	NGUYEN MINH NHUAN	男	2004-09-12	001204021275	LE 5.18	
9	H52516850200000048	NGUYEN THI KIM NGAN	女	2004-02-13	034304007790	LE 5.18	
10	H52516850200000049	VU TIEN TUNG	男	1991-10-13	036091012507	LE 5.18	
11	H52516850200000050	MAI PHUONG THUY	女	2007-10-20	038307030227	LE 5.18	
12	H52516850200000051	NONG THI YEN CHI	女	2006-10-17	004306000349	LE 5.18	
13	H52516850200000052	THACH QUYNH CHI	女	2007-12-02	001307005418	LE 5.18	
14	H52516850200000053	DAM DUY LONG	男	1995-04-08	0202027505	LE 5.18	
15	H52516850200000054	VU HA VY	女	2007-05-01	027307009538	LE 5.18	
16	H52516850200000055	PHUNG THI NGOC BICH	女	2004-04-12	062304001694	LE 5.18	
17	H52516850200000056	NGUYEN THI MAI GIANG	女	2007-02-01	027307000327	LE 5.18	
18	I152516850200000057	LUONG TRAN NGOC BICH	女	2007-10-16	015307006400	LE 5.18	
19	H52516850200000058	TRAN THI THU HUYEN	女	2004-02-17	035304001807	LE 5.18	
20	H52516850200000059	DO QUANG MINH	男	2005-11-05	027205000761	LE 5.18	
21	H52516850200000060	TRUONG THI LAN CHINH	女	2000-02-28	E00135453	LE 5.18	
22	H52516850200000061	NGUYEN THI MINH PHUONG	女	2005-01-02	025305010145	LE 5.18	
23	H52516850200000062	NGUYEN THI HUONG	女	1992-03-13	001192034701	LE 5.18	
24	H52516850200000063	DO KIM PHUONG	女	1999-02-18	035199000321	LE 5.18	
25	H52516850200000064	NGUYEN THUY LINH	女	2003-09-05	001303023268	LE 5.18	
26	H52516850200000065	NGUYEN NGOC Y LANG	女	2007-11-20	001307024158	LE 5.18	
27	H52516850200000066	TRAN THI HUYEN	女	2000-03-12	036300010063	LE 5.18	
28	H52516850200000067	HOANG THI NGUYET HANG	女	2002-09-02	022302002930	LE 5.18	
29	H52516850200000068	NGUYEN THI PHUONG LINH	女	2006-11-01	026306004368	LE 5.18	
30	H52516850200000069	NGO HIEU LAN	女	2007-10-07	033307006734	LE 5.18	
31	H52516850200000070	LE DIEU LINH	女	2006-09-04	001306071219	LE 5.18	
32	H52516850200000071	TRUONG PHUONG THAO ANH	女	2000-10-31	001300036653	LE 5.18	
33	H52516850200000072	HOANG THI ANH DUONG	女	2007-07-12	024307012725	LE 5.18	
34	H52516850200000073	NGUYEN THI MO	女	1989-07-10	024189019802	LE 5.18	
35	H52516850200000074	PHAM QUYNH LAM	女	2007-08-14	030307000686	LE 5.18	
36	H52516850200000075	TO NGUYET QUE	女	2006-01-02	031306003922	LE 5.18	
37	H52516850200000076	NGUYEN THE BINH MINH	女	2006-08-03	034306015888	LE 5.18	
38	H52516850200000077	DINH THI MEN	女	1999-09-29	036199002025	LE 5.18	
39	H52516850200000078	VU THI KIM HUE	女	2003-03-19	001303006365	LE 5.18	

ĐANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 24.5.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - LE 5.21

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H52516850200000079	DIEP LE ANH	女	2003-10-19	019303001525	LE 5.21	
2	H52516850200000080	PHAM THANH THAO	女	2007-08-27	034307013702	LE 5.21	
3	H52516850200000081	NGUYEN THI NGAN	女	2003-06-17	025303004970	LE 5.21	
4	H52516850200000082	PHAM THI NGOC ANH	女	2003-12-21	036303001482	LE 5.21	
5	H52516850200000083	PHUNG THI MINH ANH	女	2007-06-06	027307012751	LE 5.21	
6	H52516850200000084	DUONG THI SANG	女	2003-10-17	024303012559	LE 5.21	
7	H52516850200000085	NGUYEN KHANH LY	女	2006-04-26	036306012125	LE 5.21	
8	H52516850200000086	NGUYEN THI TRANG UYEN	女	2007-09-26	030307014809	LE 5.21	
9	H52516850200000087	LUONG NHU NGUYET	女	1995-06-19	022195004930	LE 5.21	
10	H52516850200000088	DANG NGOC CHAU	女	2002-11-20	002302007134	LE 5.21	
11	H52516850200000089	NGUYEN THI HOAI NGOC	女	2001-10-21	026301001830	LE 5.21	
12	H52516850200000090	TRAN THI THANH	女	1990-12-29	036190022996	LE 5.21	
13	H52516850200000091	HOANG THI TOAN	女	2000-09-20	019300000239	LE 5.21	
14	H52516850200000092	HA MINH HANG	女	2004-12-01	001304032138	LE 5.21	
15	H52516850200000093	TRIEU THI THANH THAO	女	2001-03-27	008301006677	LE 5.21	
16	H52516850200000094	BAN THI THAO	女	1994-06-26	008194008887	LE 5.21	
17	H52516850200000095	NGUYEN THI BAO THI	女	2007-12-05	001307050833	LE 5.21	
18	H52516850200000096	TRAN THI THUY	女	1991-09-02	030191012129	LE 5.21	
19	H52516850200000097	TRAN PHUONG THAO	女	2001-06-26	031301002235	LE 5.21	
20	H52516850200000098	HOANG MINH TAN	男	2003-11-16	024203001216	LE 5.21	
21	H52516850200000099	NGUYEN THI THU TRANG	女	2003-06-04	027303005463	LE 5.21	
22	H52516850200000100	PHAM THI HONG HUNG	女	2003-10-20	036303008695	LE 5.21	
23	H52516850200000101	NGUYEN THI OANH	女	1995-01-08	001195011374	LE 5.21	
24	H52516850200000102	LAM THI ANH	女	1992-08-05	022192001836	LE 5.21	
25	H52516850200000103	VU QUYNH TRANG	女	2007-04-08	022307009869	LE 5.21	
26	H52516850200000104	HOANG DIEU ANH	女	2007-11-05	008307001663	LE 5.21	
27	H52516850200000105	LE THI LAM THAO	女	2007-12-06	008307002761	LE 5.21	
28	H52516850200000106	LE PHUONG LINH	女	2007-05-16	001307009328	LE 5.21	
29	H52516850200000107	NGUYEN THI NGAN KIEU	女	2006-06-29	027306007285	LE 5.21	
30	H52516850200000108	NGUYEN KHANH LINH	女	2003-09-24	026303002422	LE 5.21	
31	H52516850200000109	BUI THI DAN	女	2007-12-23	017307006340	LE 5.21	
32	H52516850200000110	NHAC THI HUAN	女	1998-06-25	015198006712	LE 5.21	
33	H52516850200000111	LE VAN SAO	男	1995-10-30	031095007372	LE 5.21	
34	H52516850200000112	NGUYEN THI HOA	女	2003-12-13	001303048843	LE 5.21	
35	H52516850200000113	LE THI THUY QUYNH	女	2002-03-26	040302010229	LE 5.21	
36	H52516850200000114	DOAN VU MAI LINH	女	2008-11-20	022308008706	LE 5.21	
37	H52516850200000115	NGUYEN THI KIM NGAN	女	1996-09-25	031196002146	LE 5.21	
38	H52516850200000116	TRIEU VIET ANH	男	2003-09-03	020203008389	LE 5.21	
39	H52516850200000117	PHAM BA THI	男	1987-05-10	038087020841	LE 5.21	
40	H52516850200000118	NGUYEN NGOC BICH	女	2007-10-15	008307003594	LE 5.21	